

Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 04 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

- *Bị đơn*: Anh Vi Văn H, sinh năm 1988

Đều địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án*: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X - Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vi Thị Thúy N, sinh ngày 15/01/2015. Anh Vi Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ

tháng 6/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Anh Vi Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung; Công sức:* Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh Vi Văn H có nghĩa vụ trực tiếp trả nợ chung của vợ chồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê, tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng, cho đến khi trả nợ xong. Chị Nguyễn Thị T không phải thanh toán tiền chênh lệch cho anh H vì anh H không yêu cầu.

2.3 *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003607 ngày 18/5/2020; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường H Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng